

Số: 4066 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (viết tắt là Nghị quyết số 189/NQ-CP);

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược (viết tắt là Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường (viết tắt là Quyết định số 1466/QĐ-TTg);

Căn cứ Kết luận số 1171-KL/ĐU ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành

nông nghiệp và môi trường tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Công Thương; Công an;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Điệp

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

**của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Kế hoạch phát triển
 công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường của Thủ tướng
 Chính phủ tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ, các Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 808/QĐ-TTg và Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, sự chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về chủ trương phát triển và ứng dụng công nghiệp sinh học; qua đó góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống người dân.

c) Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên, công chức trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 189/NQ-CP, Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 808/QĐ-TTg và Quyết định số 1466/QĐ-TTg, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

d) Phát triển ngành công nghiệp sinh học có vai trò nền tảng quan trọng và dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp và môi trường dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp và sản phẩm công nghệ chiến lược, quy mô công nghiệp, có sức cạnh tranh cao phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bền vững, góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành và tăng trưởng kinh tế “hai con số”, bảo đảm tự chủ

về công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 808/QĐ-TTg, Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện kịp thời, đồng bộ gắn với thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện.

b) Chủ động triển khai đầy đủ, đồng bộ, nhất quán, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 189/NQ-CP, Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 808/QĐ-TTg và Quyết định số 1466/QĐ-TTg trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, cụ thể hóa trong kế hoạch công tác hằng năm; chủ động bố trí, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đầu tư công và các nguồn hợp pháp khác tổ chức triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong ngành nông nghiệp và môi trường. Tuyên truyền, phổ biến, chuyển giao, đưa vào sản xuất, phát triển và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học; giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghệ sinh học có hiệu quả; xây dựng các mô hình trình diễn các sản phẩm chất lượng cao ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược. Tăng cường thông tin đề khuyến khích sử dụng các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất trong nước và xây dựng thương hiệu của Việt Nam.

b) Tham mưu, lồng ghép nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản phẩm công nghệ chiến lược là nội dung, nhiệm vụ quan trọng được xác định trong các chương trình, kế hoạch của Bộ, của ngành và đơn vị.

c) Chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học; theo dõi, đánh giá, kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân của Bộ, ngành, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

a) Phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo điều kiện thúc đẩy đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường. Bổ sung các chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược; phát triển, đưa sản phẩm công nghệ chiến lược vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất ở quy mô công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm theo cơ chế thị trường. Thu hút, huy động và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp sinh học; có chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.

b) Xây dựng cơ chế phối hợp, thúc đẩy liên kết “3 nhà” giữa Nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược; thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác công tư (PPP), góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường.

c) Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược trong nông nghiệp và môi trường, bảo đảm an toàn sinh học, tăng khả năng thương mại và xuất khẩu;

d) Xây dựng, hoàn thiện khung đánh giá và quản lý rủi ro đối với sản phẩm công nghệ gen; chuẩn hóa hệ thống giám định, phát hiện sinh vật biến đổi gen; thiết lập cơ chế giám sát sau cấp phép, phòng ngừa và xử lý sự cố an toàn sinh học. Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu và cơ chế công khai, chia sẻ thông tin, bảo đảm thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia.

3. Tập trung phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

a) Tập trung xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học, làm chủ công nghệ chiến lược như công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen và phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Ưu tiên chọn tạo giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản có tính trạng quý, năng suất, chất lượng vượt trội,

khả năng chống chịu sâu, bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn nghiên cứu với chuyển giao, nhân rộng và sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; phát triển các phương pháp phân tích, chẩn đoán, giám định; nghiên cứu, sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học và bộ sinh phẩm (kit) phục vụ phòng, chống dịch bệnh, quản lý sinh vật gây hại, kiểm định, kiểm dịch và đánh giá chất lượng giống vật nuôi, thủy sản; phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong chăm sóc sức khỏe cây trồng, cải thiện chất lượng đất, xử lý nước tưới và môi trường sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, phục vụ phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ;

b) Chú trọng nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, ngăn ngừa, giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nhiên liệu sinh học, vật liệu sinh học thân thiện với môi trường, khai thác hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng, phát triển mạng lưới quản lý, kiểm định và đánh giá an toàn sinh học trên phạm vi cả nước.

4. Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

a) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, cán bộ quản lý có trình độ cao; hình thành, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Tăng cường vai trò của các viện nghiên cứu, trường đại học trong đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ sinh học và công nghệ chiến lược. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại các quốc gia có nền công nghệ sinh học tiên tiến thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu và chương trình hợp tác quốc tế; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, tổ chức sản xuất và quản lý ứng dụng công nghệ sinh học.

b) Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ; hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, huy động và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các viện nghiên cứu, trường đại học. Ưu tiên xây dựng, nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học chuyên ngành, các trung tâm thử nghiệm, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa nông, lâm, thủy sản và đánh giá an toàn sinh học, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

5. Xây dựng phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật

a) Đẩy mạnh phát triển cơ chế liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp quy mô công nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong nước. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển và thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ở quy mô công nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành, góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

b) Tập trung phát triển đồng bộ chuỗi nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm công nghệ chiến lược trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường chủ lực theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

c) Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; xây dựng, kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu, phát triển nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ nghiên cứu, đánh giá, quản lý, truy xuất nguồn gốc và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học. Bảo đảm phù hợp với kiến trúc số và các quy định của Bộ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu; đáp ứng yêu cầu tích hợp, kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan; bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình xây dựng, vận hành và khai thác.

6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Ưu tiên hợp tác tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, dây chuyền, thiết bị và quy trình công nghệ sinh học phù hợp với nhu cầu, điều kiện phát triển của Việt Nam.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế nhằm tạo điều kiện và động lực để các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học và doanh nghiệp trong nước tiếp cận, hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến của nước ngoài; nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học tại Việt Nam.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Khoa học và Công nghệ

- Làm đầu mối, chủ trì tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, tổ chức triển khai Chương trình thực hiện Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết

định này; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất (nếu cần) của Bộ gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan tham mưu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Ban Điều hành và Tổ giúp việc triển khai Kế hoạch theo quy định. Ban Điều hành làm việc theo Quy chế do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối, theo dõi, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhà khoa học, cán bộ quản lý trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Phối hợp với các đơn vị của Bộ Công Thương và các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp thương mại hóa các sản phẩm công nghệ sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các Cục chuyên ngành và các đơn vị của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổ chức xây dựng, lựa chọn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST về nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, làm chủ công nghệ chiến lược (công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen...), phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược góp phần phục vụ xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả; bảo tồn, phát triển nguồn gen quý, hiếm; ngăn ngừa, giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học. Gắn nghiên cứu với chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng kết quả và thương mại hóa sản phẩm, góp phần khai thác tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp và môi trường.

- Phối hợp với các Cục chuyên ngành và các đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn sinh học, thúc đẩy thương mại hóa và xuất khẩu sản phẩm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; phát triển sản phẩm, mở rộng sản xuất ở quy mô công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Tổ chức truyền thông, tập huấn, hướng dẫn và phổ biến tiến bộ kỹ thuật về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công; nâng cao

nhận thức, năng lực tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ các cấp, các ngành, góp phần phát triển công nghiệp sinh học trên phạm vi cả nước.

2. Vụ Pháp chế

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì tổng hợp, đề xuất các dự án đầu tư công phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; tham mưu Bộ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; phối hợp tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí hằng năm thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Vụ Tổ chức cán bộ

- Đầu mối, chủ trì xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành; hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín, đạt trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; các viện, trường tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh việc cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn tại các quốc gia có nền công nghệ sinh học tiên tiến thông qua các chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức, các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN và chương trình hợp tác quốc tế.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhà khoa học trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

5. Vụ Hợp tác quốc tế

- Đầu mối, chủ trì tham mưu, điều phối và thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương; kết nối các đối tác, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp

và tổ chức quốc tế; phối hợp xúc tiến, huy động nguồn lực quốc tế; hỗ trợ tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, thiết bị, chuyên gia và kinh nghiệm quản lý phục vụ phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan huy động, đa dạng hóa nguồn lực quốc tế, bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực hợp pháp khác từ các quỹ, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và đối tác nước ngoài; xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài vào nghiên cứu, phát triển, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, cán bộ nghiên cứu có trình độ chuyên môn sâu về CNSH, hợp tác nghiên cứu, đào tạo với các đơn vị nghiên cứu ở các nước có ứng dụng rộng rãi CNSH tiên tiến.

6. Các Cục chuyên ngành

- Các Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan, theo lĩnh vực được giao quản lý, chủ trì rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, làm chủ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống, đồng thời thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

- Các Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Môi trường và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ xác định nhu cầu, định hướng nội dung thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng kết quả KHCN trong lĩnh vực được giao quản lý, liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và chuyên gia đầu ngành trong nước nhằm phát triển sản xuất, thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm công nghệ chiến lược ở quy mô công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học.

- Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm phù hợp với pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Chương trình thực hiện Kế hoạch này (Phụ lục kèm theo), chủ động phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ và các

đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cụ thể; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ.

Các tổ chức khoa học và công nghệ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình và nhu cầu thực tiễn, ưu tiên nghiên cứu, làm chủ công nghệ sinh học tiên tiến, công nghệ chiến lược, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược có khả năng sản xuất ở quy mô công nghiệp và thương mại hóa; chủ động phối hợp với doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan xác định nhu cầu, xây dựng đề xuất nhiệm vụ gắn với địa chỉ tiếp nhận, ứng dụng kết quả; làm rõ phương án phối hợp nghiên cứu, huy động nguồn lực, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm.

8. Các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình thực hiện Kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và năng lực của mình, gửi đăng ký về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, phối hợp tổ chức thực hiện.

Thống

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục:

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
I	Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học					
1.	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, quán triệt nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình của Bộ (trên các phương tiện truyền thông, các cơ quan truyền thông như VTV, VOV, Báo Nhân dân, Báo Nông nghiệp và Môi trường, TTXVN,...), tạo sự thống nhất trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân. Xác định phát triển và ứng dụng sản phẩm	- Vụ Khoa học và Công nghệ	- Báo Nông nghiệp và Môi trường; - Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; - Văn phòng Bộ; - Các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ.	2026-2035 (Hằng năm)	- Bài viết, báo cáo, hội thảo, hội nghị.	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	công nghệ sinh học, công nghệ chiến lược là nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Bộ.					
2.	Thông tin tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình thực hiện Kế hoạch của Bộ.	- Báo Nông nghiệp và Môi trường	- Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng Bộ; - Các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ.	2026-2035 (Hàng năm)	- Bài viết chuyên đề, hội nghị, hội thảo.	
3.	Truyền thông phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất về công nghiệp sinh học.	- Báo Nông nghiệp và Môi trường	- Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng Bộ; - Các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ.	2026-2035 (Hàng năm)	- Tuyên truyền phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất về công nghệ sinh học, các kết quả nổi bật của công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.	
4.	Xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng sản phẩm công nghiệp sinh học, công nghệ chiến lược (các mô hình về giống cây trồng nông, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản; các mô hình ứng	- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Chăn nuôi và Thú y, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Môi trường,...	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; - Địa phương, doanh nghiệp. - Các viện, trường và	2026-2035	- Các mô hình ứng dụng công nghiệp sinh học, phát triển sản phẩm công nghiệp sinh học để giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các cấp, các ngành về các tiến bộ, kỹ thuật của công nghệ sinh học tạo cơ sở cho việc	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	dụng vắc xin thể hệ mới, chế phẩm sinh học và sinh phẩm nông nghiệp và môi trường).		các đơn vị có liên quan.		phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trong phạm vi toàn quốc.	
II	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học					
5.	Rà soát và bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống.	- Các Cục quản lý chuyên ngành: + Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Luật Trồng trọt và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; + Cục Chăn nuôi và Thú y: Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; + Cục Thủy sản và Kiểm ngư: Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; + Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm: Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; + Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học: Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; + Cục Môi trường: Luật	- Vụ Pháp chế; - Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ.	2026-2035	- Báo cáo rà soát, đề xuất và văn bản về cơ chế, chính sách được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành về nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống.	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
		Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;...				
6.	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.	Các Cục quản lý chuyên ngành.	Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ; - Bộ Khoa học và Công nghệ.	2026-2035	- Hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường được xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền. - Hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu an toàn sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
7.	Xây dựng khung đánh giá và quản lý rủi ro đối với các sản phẩm công nghệ gen.	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế; - Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các đơn vị liên quan thuộc Bộ; - Bộ Khoa học và Công nghệ.	2026-2035	- Hoàn thiện các quy định về đánh giá và quản lý rủi ro đối với sản phẩm công nghệ gen, hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu an toàn sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Chuẩn hóa hệ thống giám định và phát hiện sinh vật biến đổi gen; thiết lập cơ chế giám sát sau cấp phép và xử lý sự cố; xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế công khai thông tin bảo đảm thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế.	
III	Tập trung phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số phục vụ công nghệ sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường					
8.	Phát triển giống cây trồng nông, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới bằng công nghệ sinh học.	Vụ Khoa học và Công nghệ.	- Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường...	2026-2035	- 10-15 giống cây trồng nông, lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản thế hệ mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải, được tạo	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
					ra từ công nghệ tế bào, chỉnh sửa gen và chọn giống chính xác; các giống cây trồng nông, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới được chuyển giao nhân rộng vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.	
9.	Phát triển vắc xin thế hệ mới, chế phẩm sinh học và sinh phẩm nông nghiệp và môi trường.	Vụ Khoa học và Công nghệ.	- Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường...	2026-2035	- 5-10 vắc xin, chế phẩm sinh học thế hệ mới dùng trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt và bảo vệ thực vật; vắc xin, chế phẩm sinh học thế hệ mới được chuyển giao nhân rộng vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.	
IV	Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường					
10.	Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.	Vụ Tổ chức cán bộ.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Hợp tác quốc tế; - Các Cục chuyên ngành; - Các viện, trường và đơn vị liên quan.	2026-2035	- Kế hoạch phát triển, đào tạo và bồi dưỡng nhân lực công nghệ sinh học; - Danh sách cán bộ được cử tham gia; số lượng cán bộ, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý thuộc phạm vi Bộ được đào tạo hằng năm (500 cán bộ, nghiên cứu viên trình độ cao về công nghệ sinh học; 2.000 lượt kỹ thuật viên, cán bộ quản lý).	
11.	Đầu tư xây dựng, nâng cấp 05 phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ sinh học,	Vụ Kế hoạch - Tài chính.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Viện Khoa học	2026-2035	Nâng cấp và đầu tư 05 phòng thí nghiệm đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN, bao gồm:	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN, góp phần đưa các sản phẩm CNSH vào phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, kinh doanh, thương mại trong và ngoài nước.		Nông nghiệp Việt Nam; - Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam; - Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam; - Cục Chăn nuôi và Thú y.		- 01 phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ gen, công nghệ tế bào thực vật; - 01 phòng thí nghiệm công nghệ gen, công nghệ tế bào chăn nuôi; - 01 phòng thí nghiệm công nghệ gen, công nghệ tế bào thủy sản; - 01 phòng thí nghiệm thú y, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh và kiểm tra chất lượng vắc xin, chế phẩm sinh học; - 01 phòng thí nghiệm công nghệ vi sinh vật, công nghệ enzyme, protein.	
12.	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm thí nghiệm kiểm định chất lượng nông, lâm sản và thủy sản hàng hóa, đánh giá an toàn sinh học, đạt tiêu chuẩn quốc tế hoặc chuẩn hóa theo tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS), hình thành các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học tại các doanh nghiệp.	Vụ Kế hoạch - Tài chính.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường trực thuộc Bộ và doanh nghiệp.	2026-2035	- Nâng cấp và đầu tư 05 phòng thí nghiệm trung tâm/phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng nông, lâm và thủy sản hàng hóa, đánh giá an toàn sinh học các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học.	
13.	Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường, bảo đảm kết nối, liên thông, trao	Cục Chuyển đổi số.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường	2026-2035	- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường, bảo đảm cung cấp và chia sẻ các thông tin cơ bản nhất, mới nhất về	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	đổi, chia sẻ và khai thác dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan, phục vụ nghiên cứu, quản lý, truy xuất và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học.		trực thuộc Bộ và doanh nghiệp.		công nghệ sinh học.	
V	Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường					
14.	Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường quy mô công nghiệp.	Vụ Khoa học và Công nghệ.	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; các Cục chuyên ngành và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ; - Bộ Công Thương; - Bộ Khoa học và Công nghệ.	2026-2035	- Số doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học tăng tối thiểu 50%.	
15.	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học.	Các Cục chuyên ngành trực thuộc Bộ.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các viện, trường, doanh nghiệp... - Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ và địa phương có liên quan.	2026-2035	- Các sản phẩm công nghệ sinh học được phát triển, thương mại hóa vào sản xuất; - Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp và môi trường quy mô công nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong nước.	
16.	Phát triển chuỗi nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh sản phẩm công nghệ sinh học,	Các Cục chuyên ngành trực thuộc Bộ.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các viện, trường,	2026-2035	- Chuỗi nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	sản phẩm công nghệ chiến lược chủ lực, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.		doanh nghiệp; - Các bộ, ngành, địa phương có liên quan.		môi trường gần viện nghiên cứu, doanh nghiệp, vùng sản xuất và thị trường.	
VI	Hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học					
17.	Tăng cường hợp tác đa phương, song phương về nghiên cứu, đào tạo, trao đổi chuyên gia, học tập kinh nghiệm về ứng dụng và phát triển, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học.	Vụ Hợp tác quốc tế.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường, doanh nghiệp; - Các bộ, ngành, địa phương có liên quan.	2026-2035	- Các dự án hợp tác quốc tế, thỏa thuận, biên bản hợp tác và các chương trình... về nghiên cứu KHCN&ĐMST, đào tạo nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn; trao đổi chuyên gia, học tập kinh nghiệm; chuyển giao công nghệ, dây chuyền sản xuất, thiết bị về công nghệ sinh học nông nghiệp giữa các viện, trường, doanh nghiệp trong nước với các đối tác ở các nước có nền công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới.	
18.	Huy động, đa dạng hóa các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển công nghệ sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, các quỹ quốc tế, nguồn lực của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và đối	Vụ Hợp tác quốc tế.	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Các Cục quản lý chuyên ngành; - Các viện, trường, doanh nghiệp; - Các bộ, ngành, địa phương có liên quan.	2026-2035	- Các dự án hợp tác quốc tế, thỏa thuận, biên bản hợp tác và các chương trình... về nghiên cứu, đầu tư chuyển giao công nghệ, dây chuyền sản xuất, thiết bị về công nghệ sinh học,...	

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm cần đạt được	Ghi chú
	tác nước ngoài).					

Phong